TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỸ LỘC** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 20-8-2019
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ LỘC, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Đức Cường.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Công;

Ông Đặng Chí Hiếu.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Trần Công Thương, là Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định.

Ngày 20 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 44/2019/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2019 về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Đặng Thanh T, sinh năm 1994; trú tại: Xóm M, xã T, huyện L, tỉnh Nam Định.

- *Bị đơn*: Anh Trần Tiên H, sinh năm 1989; trú tại: Xóm B, xã T, huyện L, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa, chị T và anh H vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Đặng Thanh T trình bày: Chị T và anh Trần Tiên H kết hôn với nhau tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 09 tháng 02 năm 2018 tại Uỷ ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Nam Định. Do tính cách không hợp nhau nên cuộc sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, vợ chồng đã không còn chung sống từ tháng 5 năm 2018. Nay chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H.

Về con chung và tài sản chung: Chị T trình bày là giữa chị T và anh H không có.

Trong thời gian chuẩn bị xét xử, chị T có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và đơn xin xét xử vắng mặt.

Đối với bị đơn anh Trần Tiên H đã được Tòa án nhân dân huyện Mỹ Lộc đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, gồm: Thông báo về việc thụ lý vụ án, hai thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa. Nhưng anh H không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu ly hôn của chị T, không đến Tòa án tham gia tố tụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét yêu cầu ly hôn của chị T, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Tại phiên tòa, vắng mặt nguyên đơn là chị T, chị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị T.

Bị đơn là anh H không có yêu cầu phản tố, được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh H.

[2] Về hôn nhân:

Giữa chị T và anh H kết hôn với nhau tự nguyện, đã đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Nam Định ngày 09 tháng 02 năm 2018, đúng theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình nên là hôn nhân hợp pháp.

Do tính cách không hợp nhau nên cuộc sống vợ chồng giữa chị T và anh H đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, đến nay vợ chồng đã không còn chung sống, không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Xét thấy, vợ chồng đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của vợ chồng được quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên việc giải quyết cho chị T ly hôn anh H là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] Về con chung và tài sản chung: Giữa chị T và anh H không có.

[4] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Căn cứ theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị T có nghĩa vụ nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

[5] Về quyền kháng cáo đối với bản án: Chị T và anh H có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Về hôn nhân: Cho chị Đặng Thanh T ly hôn anh Trần Tiên H.

2. Về con chung và tài sản chung: Giữa chị T và anh H không có.

3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Đặng Thanh T phải nộp án phí ly hôn là 300.000 đồng, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí ly hôn mà chị T đã nộp 300.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỹ Lộc, theo biên lai số AA/2016/0000998 ngày 29 tháng 5 năm 2019, chị T đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị T và anh H có quyền kháng cáo đối với bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát ND huyện Mỹ Lộc;
- Tòa án ND tỉnh Nam Định;
- Viện kiểm sát ND tỉnh Nam Định;
- Chi cục Thi hành án DS huyện Mỹ Lộc;
- Ủy ban ND xã T, huyện L;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký và đóng dấu)

Trần Đức Cường